

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoa.

Bà Đỗ Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2016, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy P có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2011, tại UBND xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị có quan điểm sống khác nhau, anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay. Vì hạnh phúc gia đình, vì con chị L cố gắng khuyên nhủ và tha thứ cho anh P nhiều lần nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012. Hiện tại cháu đang ở với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 01/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Duy P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với phần trình bày của chị L. Anh và chị L có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2011, tại UBND xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị có quan điểm sống khác nhau, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị Phạm Thị Bích L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012. Hiện tại cháu đang ở với chị L, sau khi ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xử xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy P tại các phiên tòa đều cố tình vắng mặt, không chịu hợp tác của Tòa án.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chị L được ly hôn với anh P; Về con chung : Giao cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012 cho chị Phạm Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012 là 1.500.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Ngày 13/02/2017, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Duy P. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Duy P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa xét xử lần hai anh đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Duy P có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2011, tại UBND xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên HĐXX xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay. Chị L và anh P đều thừa nhận mâu thuẫn trên là có thật, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình trạng hôn nhân của chị L và anh P đã được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, HĐXX chấp nhận cho chị Phạm Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Duy P là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung, tên là Nguyễn Phạm Bảo T sinh ngày 11/9/2012, anh chị đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T. HĐXX xét thấy, cháu T hiện nay còn nhỏ và đang ở với chị L, chị L có nghề nghiệp là cán bộ văn thư của Trường mẫu giáo H (xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai) với thu nhập là 3.000.000đ/tháng. Đối với anh P, mặc dù có thu nhập ổn định nhưng theo chính quyền địa phương cho biết, công việc của anh P là làm thợ hồ, theo công trình nên sinh sống không ổn định, thường xuyên đi xa, nếu giao cháu T cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống cho cháu trong việc chăm sóc cho sinh hoạt và học tập của cháu. Ngoài ra, Phòng Lao động – Thương binh xã hội huyện S cho biết, với điều kiện sống và kinh tế của chị L và anh P hiện tại thì nên giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho cháu. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu T cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/tháng. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T cũng như gắn trách nhiệm của người cha đối với con cái cần buộc anh Nguyễn Duy P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012 cùng với chị L số tiền là 1.500.000đ/tháng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng một phần nhu cầu cho cuộc sống, học tập của cháu Trân được quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh P phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con, để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị và danh mục án phí lệ phí kèm theo Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Duy P.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Duy P có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012. Giao cháu T cho chị Phạm Thị Bích L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 11/9/2012 cùng với chị L là: 1.500.000đ/tháng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2017 cho đến khi cháu T thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị L được nhận số tiền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí:

4.1- Án phí ly hôn: Buộc chị Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001302 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp xong.

4.2 - Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Duy P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Blang;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Viết Toàn